

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DỰ THẢO LUẬT CHỨNG KHOÁN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG

ThS. NGUYỄN MINH HẰNG *

Chào bán chứng khoán ra công chúng là một trong những hoạt động huy động vốn quan trọng của tổ chức phát hành. Hoạt động này không những giúp cho tổ chức phát hành có khả năng huy động vốn để sản xuất kinh doanh mà còn là nguồn cung cấp hàng hoá cho thị trường chứng khoán tập trung. Xét trên góc độ lập pháp, đây cũng là vấn đề được nhiều giới quan tâm kể từ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 đến Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 và đặc biệt trong Dự thảo Luật chứng khoán lần 13 được trình xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 04/04/2006 (sau đây xin gọi tắt là Dự thảo). Bài viết này đề cập chế độ chào bán chứng khoán ra công chúng hiện hành và một số ý kiến cá nhân về vấn đề này tại Dự thảo.

1. Nội hàm khái niệm chào bán chứng khoán ra công chúng

Theo cách hiểu chung nhất, chào bán chứng khoán ra công chúng là tập hợp tất cả những hoạt động từ khâu mời chào, phát hành và bán chứng khoán nhằm đưa chứng khoán từ tổ chức phát hành đến đông đảo các nhà đầu tư. Với cách hiểu như thế, khái niệm chào bán chứng khoán ra công chúng có phạm vi rộng, trong đó, phát hành chứng

khoán ra công chúng chỉ là công đoạn cuối khi mọi thủ tục chào bán của chủ thể phát hành đã hoàn tất. Thành công của Dự thảo là mở rộng tương đối toàn diện nội hàm khái niệm chào bán chứng khoán ra công chúng với nhiều nội dung mới. Bên cạnh việc xác định các công đoạn của quá trình “chào bán”, Dự thảo cũng mở rộng yêu cầu về số lượng người đầu tư nắm giữ chứng khoán trong đợt phát hành, phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, khái niệm chào bán chứng khoán ra công chúng được giải thích trong Dự thảo xét cụ thể chưa thực sự bao quát được những nội dung này. Thứ nhất, ở khía cạnh lập pháp, việc giải thích khái niệm bằng chính khái niệm không đạt được mục đích. Khoản 12 Điều 6 Dự thảo định nghĩa: “Chào bán chứng khoán ra công chúng là việc chào bán chứng khoán thông qua phương tiện thông tin đại chúng kể cả Internet hoặc chào bán chứng khoán cho trên 100 nhà đầu tư, trừ các tổ chức đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc chào bán cho một số lượng nhà đầu tư không xác định”. Thứ hai, về phương diện nội dung,

* Giảng viên Khoa pháp luật kinh tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

đây là định nghĩa mang tính liệt kê nhưng chưa đầy đủ. Có những hành vi chào bán chứng khoán ra công chúng không nhất thiết phải thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (trường hợp đấu giá cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước tại sàn giao dịch chứng khoán có trên 100 nhà đầu tư tham gia). Khái niệm chào bán chứng khoán ra công chúng tại khoản 12 Điều 6 Dự thảo chưa mô tả đầy đủ những hành vi trong quá trình chào bán. Do vậy, có sự không đồng nhất giữa định nghĩa và nội dung của hoạt động chào bán.

2. Đối tượng được chào bán chứng khoán ra công chúng

Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003, văn bản pháp lí có hiệu lực cao nhất hiện nay về chứng khoán và thị trường chứng khoán đã loại trừ số lượng đáng kể các đối tượng thực hiện hoạt động chào bán chứng khoán: Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành trái phiếu, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước phát hành cổ phiếu khi cổ phần hoá, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần.⁽¹⁾ Đây là điểm hạn chế cơ bản của Nghị định số 144/2003/NĐ-CP. Khắc phục hạn chế này, Dự thảo mở rộng phạm vi điều chỉnh, theo đó mọi hành vi liên quan đến tổ chức hoạt động của thị trường chứng khoán, chào bán chứng khoán ra công chúng, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, các dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán đều là đối tượng điều

chỉnh của pháp luật về chứng khoán. Điều này có nghĩa các hoạt động phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương ra công chúng, chào bán cổ phần ra công chúng của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đều là đối tượng điều chỉnh của Luật chứng khoán. Chúng tôi cho rằng quy định này đảm bảo tính thống nhất nội dung điều chỉnh của Luật chứng khoán. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật chứng khoán sẽ dẫn đến hai hệ quả tất yếu. Một là, những chủ thể *được* chào bán chứng khoán ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán như các tổ chức tín dụng cổ phần hoặc các tổ chức tín dụng nhà nước tiến hành cổ phần hoá chỉ cần tuân thủ quy định của Luật này. Hai là, những chủ thể *phải* chào bán chứng khoán ra công chúng cho phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán như các công ty nhà nước hoặc thành viên công ty nhà nước trong mô hình tổng công ty tiến hành cổ phần hoá. Quy định này giải quyết được thực trạng “né tránh” điều kiện, thủ tục phát hành chứng khoán ra công chúng hiện nay nhưng vẫn thu hút được đông đảo nguồn vốn, khối lượng người đầu tư và ngược lại, các tổ chức phát hành có cơ sở chào bán theo quy định của Luật chứng khoán mà không phải chịu sự chi phối của quá nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành khác. Bên cạnh đó, cũng cần phải lưu ý rằng tổ chức tín dụng là những chủ thể chào bán chứng khoán đặc thù. Do

đó, cần có những văn bản dưới luật quy định cụ thể về việc các tổ chức tín dụng chào bán chứng khoán ra công chúng và các văn bản này cần thiết phải nằm trong một tổng thể pháp luật về chứng khoán.⁽²⁾ Điều này không mâu thuẫn với nhận định trên bởi lẽ các quy định dưới luật và tại các văn bản luật khác sẽ được thực hiện theo các nguyên tắc áp dụng luật chứng khoán.

3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG VỚI CÔNG TI ĐẠI CHÚNG

Công ti đại chúng (khái niệm mới được đưa vào Dự thảo) là công ti cổ phần thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc có chứng khoán được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc có chứng khoán được trên 100 nhà đầu tư sở hữu trừ các tổ chức đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và có vốn điều lệ thực góp từ 10 tỉ đồng trở lên.⁽³⁾ Quy định trên cho thấy công ti đại chúng không phải trong mọi trường hợp đều là tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, cũng với các điều kiện để trở thành công ti đại chúng theo quy định trên, chỉ cần các công ti có chứng khoán niêm yết, có trên 100 nhà đầu tư sở hữu chứng khoán, có vốn điều lệ thực góp trên 10 tỉ đồng đã trở thành công ti đại chúng và chịu sự điều chỉnh của pháp luật đối với công ti đại chúng. Yêu cầu bắt buộc mà pháp luật sắp tới sẽ đặt ra với công ti đại chúng là những công ti này phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Chính phủ, phải tuân thủ các quy

định về tài chính và kế toán, kiểm toán, phải tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ti và đặc biệt phải thực hiện đăng kí, lưu kí chứng khoán tập trung tại trung tâm lưu kí chứng khoán.⁽⁴⁾ Như vậy, với các quy định nêu trên, các công ti đại chúng sẽ phải từng bước công khai hoá thông tin ngay cả khi họ không chào bán chứng khoán ra công chúng. Điều này hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc đã được nêu ra trong pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đặc biệt là nguyên tắc công khai, công bằng, minh bạch, bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và nguyên tắc tự chịu trách nhiệm về rủi ro.⁽⁵⁾ Hơn nữa, xét trên khía cạnh thực tế, hiện nay, rất nhiều các công ti cổ phần đang hoạt động với số vốn điều lệ trên 10 tỉ đồng, có trên 100 nhà đầu tư sở hữu cổ phần (đáp ứng đủ điều kiện của công ti đại chúng) muốn "lẩn tránh" chế độ công bố thông tin, chế độ báo cáo tài chính công khai. Vì không chào bán chứng khoán ra công chúng nên họ không có nghĩa vụ đăng kí với Ủy ban chứng khoán nhà nước, các báo cáo tài chính không nhất thiết phải có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập và điều cốt yếu là Nhà nước hoàn toàn không quản lí được các công ti cổ phần này, quyền lợi của các nhà đầu tư không được đảm bảo. Với các quy định như trên về công ti đại chúng và nghĩa vụ của công ti đại chúng, Dự thảo đã ràng buộc trách nhiệm của những chủ thể này, tạo cho Nhà nước một công cụ quản lí hợp pháp đối với các công ti đại chúng và đặc

biệt đảm bảo quyền lợi cho đông đảo công chúng đầu tư.

4. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng

Pháp luật Việt Nam quy định cụ thể các điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng bởi lẽ quan điểm của cơ quan quản lý thị trường Việt Nam hiện nay là quản lý chứng khoán theo chất lượng. Chứng khoán khi được phát hành ra công chúng phải đảm bảo niềm tin cho công chúng đầu tư về chất lượng, đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành và công ti phát hành là những công ti có triển vọng trong tương lai. Quy định này tương đồng với chế độ quản lý chất lượng. Chế độ quản lý chất lượng chứng khoán thường được áp dụng ở những nước mới hình thành thị trường chứng khoán, hệ thống pháp luật còn thiếu đồng bộ, các tiêu chuẩn kế toán, kiểm toán còn chưa đầy đủ, rõ ràng, doanh nghiệp phát hành chưa có nhiều kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán.

Về mức vốn điều lệ thực có tại thời điểm đăng ký phát hành là vấn đề cần xác định rõ. Mức vốn thế nào là hợp lý và phù hợp với thực lực của các tổ chức phát hành? Trước đây, pháp luật quy định: "*mức vốn điều lệ tối thiểu thực có tính đến ngày xin phép phát hành là 10 tỉ đồng*".⁽⁶⁾ Các ý kiến cho rằng yêu cầu về mức vốn điều lệ tối thiểu 10 tỉ đồng tính đến ngày xin phép phát hành là quá cao so với tình hình thực tế của các doanh nghiệp. Trong khi đó, thị trường chứng khoán tập trung đang rất cần hàng hoá để đảm bảo lượng giao dịch tối thiểu, cần

các doanh nghiệp lên sàn. Điều kiện về vốn cao như quy định tại Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 sẽ hạn chế các doanh nghiệp tham gia phát hành chứng khoán ra công chúng. Do vậy, pháp luật hiện hành đã hạ thấp mức vốn điều lệ xuống còn 5 tỉ đồng Việt Nam tại thời điểm đăng ký phát hành⁽⁷⁾ đối với công ti cổ phần phát hành cổ phiếu ra công chúng nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có khả năng chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, sau hơn hai năm kể từ ngày có hiệu lực, quy định này tỏ ra không khả thi vì lượng doanh nghiệp đăng ký phát hành không tăng mạnh như dự kiến (năm 2005 có 7 doanh nghiệp thực hiện đăng ký phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng). Đến ngày 31/12/2005, tổng số cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán là 32 loại cổ phiếu (tương ứng với 32 tổ chức phát hành) với tổng khối lượng là 191.750.215 cổ phiếu, chiếm tỉ trọng 31,88% tổng số chứng khoán đang niêm yết trên toàn thị trường.⁽⁸⁾ Mặt khác, xét về điều kiện vốn, Nghị định số 144/2003/NĐ-CP quy định có hai mức vốn khác nhau đối với hai loại chứng khoán khác nhau (5 tỉ đồng Việt Nam đối với chứng khoán cổ phiếu và 10 tỉ đồng Việt Nam đối với chứng khoán trái phiếu), đối với chứng chỉ quỹ đầu tư không có quy định về tổng giá trị chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán. Theo chúng tôi, đây là những quy định tuy cụ thể nhưng lại rất khó áp dụng trong thực tế. Trong Dự thảo, quy định này đã được sửa đổi bằng một quy định chung về mức vốn

điều lệ thực có cho các chủ thể chào bán chứng khoán cổ phiếu và trái phiếu là 10 tỉ đồng.⁽⁹⁾ Quy định này thống nhất điều kiện về vốn cho tất cả các chủ thể chào bán chứng khoán ra công chúng, không có sự phân biệt giữa tổ chức phát hành cổ phiếu và tổ chức phát hành trái phiếu. Chúng tôi ủng hộ phương án này với nhiều lí do. Nếu so sánh với các quốc gia áp dụng chế độ quản lí theo chất lượng, mức vốn điều lệ tối thiểu này là thấp. Trong tương lai, nếu chúng ta cho phép tiến hành niêm yết giao dịch chéo, tổ chức niêm yết của Việt Nam sẽ không có cơ hội cạnh tranh với các loại chứng khoán của tổ chức niêm yết nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, việc xác định năng lực tài chính cho các đối tượng này cũng như biện pháp gián tiếp giúp đỡ tổ chức phát hành ý thức được về điều kiện tài chính khi họ có nhu cầu được niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài.

Ngoài việc thống nhất điều kiện về vốn, các điều kiện phát hành khác cũng được quy định lại một cách thống nhất đối với các tổ chức phát hành cổ phiếu và trái phiếu ra công chúng. Đây cũng là các quy định nhằm đảm bảo tính thanh khoản, chất lượng chứng khoán, đảm bảo tính hấp dẫn đối với người đầu tư và khả năng thanh toán của tổ chức phát hành. Tuy nhiên, các quy định bắt buộc phải có tổ chức bảo lãnh phát hành và việc xác định đại diện người sở hữu trái phiếu đối với phát hành trái phiếu ra công chúng không được đề cập lại trong Dự thảo. Có thể, việc loại bỏ các quy định bắt buộc này trong

Dự thảo sẽ tạo ra một cơ chế mờ, thông thoáng hơn cho các chủ thể phát hành trái phiếu ra công chúng.

5. Hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng

Tài liệu được coi là quan trọng nhất trong hoạt động phát hành chứng khoán ra công chúng là bản cáo bạch. Bản cáo bạch phải đáp ứng các yêu cầu: Có đầy đủ các thông tin cần thiết, trung thực, rõ ràng nhằm giúp cho người đầu tư và công ti chứng khoán có thể đánh giá đúng về tình hình tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh và triển vọng của tổ chức đăng kí phát hành.⁽¹⁰⁾ Dự thảo luật chứng khoán có quy định rất cụ thể về yêu cầu đối với bản cáo bạch. Nghị định số 144/2003/NĐ-CP không có quy định cụ thể về bản cáo bạch và báo cáo tài chính mà vấn đề này được quy định tại văn bản có hiệu lực pháp lí thấp hơn.⁽¹¹⁾ Đây cũng là vấn đề còn nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện, cần được trao đổi nghiên cứu kĩ hơn trước khi ban hành Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán sắp tới.

Việc đưa ra yêu cầu phải có xác nhận của kiểm toán và thời hạn hiệu lực của kiểm toán đối với báo cáo tài chính nhằm giúp cho công chúng đầu tư có được thông tin chính xác, cập nhật về tình hình tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức phát hành. Tuy nhiên, đây chính là yêu cầu gây nhiều khó khăn, thậm chí cản trở việc niêm yết chứng khoán của một số doanh nghiệp. Hiện

nay, việc kiểm toán do các đơn vị trong nước thực hiện. Các tổ chức kiểm toán 100% vốn nước ngoài chưa được kiểm toán doanh nghiệp trong nước (trừ 100 doanh nghiệp nhà nước) được kiểm toán theo cam kết của Việt Nam với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Tuy vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành, do báo cáo tài chính phải có xác nhận của tổ chức kiểm toán “được chấp nhận” nên việc lựa chọn tổ chức kiểm toán phải tuân theo Quyết định số 76/2004/QĐ-BTC ngày 22/9/2004, theo đó, hầu hết các công ti kiểm toán ở Việt Nam đều không đủ điều kiện tham gia.

Những quy định khắt khe sẽ dẫn đến một tất yếu là sự độc quyền và chi phí kiểm toán vượt quá sức của các tổ chức phát hành mới lần đầu bước vào thị trường chứng khoán.⁽¹²⁾ Do vậy, Dự thảo nên cân nhắc về tiêu chuẩn đối với tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức phát hành sao cho vừa đảm bảo được tính minh bạch, chính xác của báo cáo tài chính trong bản cáo bạch, vừa có tính khả thi trong thực tế, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng. Bên cạnh đó, cần phải quy định ràng buộc trách nhiệm của tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đối với các kết quả kiểm toán này.

- Đối với trường hợp chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư ra công chúng, bản cáo bạch yêu cầu khá chi tiết.⁽¹³⁾ Theo chúng tôi, xét về hình thức, một văn bản pháp lí có hiệu lực cao như Luật chứng khoán có cần thiết phải quy định chi tiết và cụ thể như vậy không?

Những nội dung đó có thể được quy định trong các văn bản hướng dẫn thi hành là phù hợp. Xét về nội dung, những quy định trong Dự thảo là những nội dung mang tính nghiệp vụ và không phải là biện pháp quản lí hay yêu cầu của thị trường. Ưu điểm của quy định này là tạo ra cơ sở pháp lí chặt chẽ và an toàn đối với hành vi phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư ra công chúng. Theo những quy định này, quyền lợi của nhà đầu tư tương đối được đảm bảo. Tuy nhiên, chúng ta không thể không nhận thấy những bất cập trong các quy định trên. Đó là việc đòi hỏi quá cao về những nội dung trong bản cáo bạch sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các chủ thể tiến hành chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư ra công chúng, phương thức đầu tư và loại chứng khoán còn đang rất mới mẻ đối với công chúng đầu tư và thị trường chứng khoán Việt Nam.

6. Thủ tục phát hành chứng khoán ra công chúng

Về thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng, pháp luật hiện hành chỉ quy định tổ chức phát hành được quyền gia hạn thời hạn phân phối chứng khoán. Đối với thời hạn chào bán chứng khoán, pháp luật có quy định số chứng khoán chưa bán hết vẫn có thể được phân phối tiếp nhưng lại không giới hạn thời gian được phép phân phối tiếp số cổ phiếu, trái phiếu còn lại để đảm bảo giá trị của chứng khoán. Vấn đề này trước đây đã đặt ra song chưa được điều chỉnh, đến nay pháp luật hiện hành vẫn chưa giải quyết bằng những quy định cụ thể. Tuy nhiên, về

vấn đề thời hạn hoàn trả tiền đặt cọc cho người mua trong trường hợp đầu tư không được mua đủ số lượng cổ phiếu đã đăng kí thì có quyền huỷ bỏ việc đăng kí mua. Luật chứng khoán Mỹ có “quy định 415” về phát hành chậm, cho phép tổ chức phát hành được chờ một thời điểm để bán (một phần hay toàn bộ) lượng chứng khoán đã xin phép phát hành trong thời hạn tối đa là 2 năm, mỗi đợt bán phải bổ sung thêm bản cáo bạch. Quy định này vừa linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức phát hành, vừa đảm bảo giá trị của chứng khoán tránh việc kéo dài thời gian phân phối chứng khoán.

Về cơ bản, Dự thảo quy định tương đối đầy đủ về trình tự, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng, kế thừa các quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, trong toàn bộ 10 điều luật của chương “Chào bán chứng khoán ra công chúng” hoàn toàn không có quy định về phương thức phát hành trong đó có một nội dung rất quan trọng là hoạt động bảo lãnh phát hành. Đối với phát hành chứng khoán ra công chúng, sự thành bại của một đợt phát hành có ý nghĩa hết sức quan trọng. Chính vì vậy để đảm bảo cho sự thành công của đợt phát hành đòi hỏi tổ chức phát hành phải lựa chọn một phương thức phát hành tối ưu nhất. Trong các phương thức phát hành chứng khoán ra công chúng, bảo lãnh phát hành được xem là một phương thức phát hành hiện đại và có độ an toàn cao nhất. Có thể được sử dụng cho phát hành cả cổ phiếu và trái phiếu. Đối với các nước có thị trường

chứng khoán phát triển, việc phát hành chứng khoán thông qua bảo lãnh phát hành đã được sử dụng từ rất lâu và rất được ưa chuộng. Đối với Việt Nam, bảo lãnh phát hành vẫn còn khá mới mẻ. Hoạt động bảo lãnh phát hành chỉ có nghĩa là tổ chức bảo lãnh phát hành bao tiêu chứng khoán cho tổ chức phát hành, không bao hàm việc tổ chức bảo lãnh phát hành thực hiện các nghĩa vụ đối với người đầu tư thay cho tổ chức phát hành. Dự thảo cũng chưa quy định về những trường hợp bắt buộc phải có tổ hợp bảo lãnh phát hành.

- (1).Xem: Điều 1 Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003.
- (2). Hiện nay, hoạt động bán cổ phần của các ngân hàng thương mại quy định tại Quyết định số 1122/2001/QĐ-NHNN ngày 04/9/2001 về việc ban hành quy định về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước và nhân dân.
- (3).Xem: Khoản 1 Điều 24 Dự thảo luật chứng khoán.
- (4).Xem: Điều 27 Dự thảo luật chứng khoán.
- (5).Xem: Điều 4 Dự thảo luật chứng khoán.
- (6).Xem: Điều 6, 7 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP và mục II Thông tư số 02/2001/TT-UBCK.
- (7).Xem: Điều 6 Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003.
- (9).Xem: Tạp chí chứng khoán Việt Nam tháng 1, 2 năm 2006.
- (9).Xem: Điều 11 Dự thảo luật chứng khoán.
- (10).Xem: Thông tư số 60/2004/TT-BTC ngày 18/6/2004.
- (11).Xem: Quyết định số 76/2004/QĐ-BTC ngày 22/9/2004 ban hành quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán, báo cáo tài chính năm của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán phải được kiểm toán.
- (12).Xem: Quyết định số 76/2004/QĐ-BTC ngày 22/9/2004.
- (13).Xem: Khoản 2 Điều 14 Dự thảo luật chứng khoán.